

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐÔNG HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **39/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 19-8-2022

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Khánh.
2. Ông Nguyễn Bá Tòng.

- Thư ký phiên tòa: ông Dương Thiện Nam – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: bà Doãn Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2022/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1977; Nơi cư trú: khu phố PH 3, phường HHT, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Bị đơn: Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1979; Nơi cư trú: khu phố PH 3, phường HHT, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/6/2022, tài liệu có tại hồ sơ nguyên đơn nguyên đơn ông Nguyễn Hữu H trình bày:

1. Về hôn nhân: ông H và bà M tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hoà Hiệp Trung, huyện Tuy Hoà (nay là phường Hoà Hiệp Trung, thị xã Đông Hoà) theo giấy chứng nhận kết hôn số 12, cấp ngày 21/03/2000. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông H và bà M chung sống được thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp tính cách, bất đồng quan điểm sống, hai bên gia đình đã tiến hành hòa giải nhưng không thành, cả hai đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay, ông H nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể

chung sống nên ông H yêu cầu được ly hôn với bà M để ổn định cuộc sống mỗi bên.

2. Về con chung: ông H và bà M có 03 con chung tên Nguyễn Thị Thanh H2 (sinh ngày 11/4/2000); Nguyễn Hữu S (sinh ngày 04/6/2002) và cháu Nguyễn Thị Diệu M2 (sinh ngày 10/10/2010). Đối với 02 cháu H2 và S đã đủ tuổi trưởng thành nên ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng đối với cháu Nguyễn Thị Diệu M2 hiện do ông H đang là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc nên ông H yêu cầu được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu M2 và không yêu cầu bà M cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Đỗ Thị M đã được toà án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết nên không có lời trình bày.

Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu H giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu khởi kiện, xin được ly hôn bà M và tiếp tục nuôi con chung cháu M2.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo cho đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu H, về quan hệ hôn nhân: cho ông Nguyễn Hữu H được ly hôn bà Đỗ Thị M; về con chung: giao con chung Nguyễn Thị Diệu M2 (sinh ngày 10/10/2010) cho ông Nguyễn Hữu H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc; về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xét. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: ông Nguyễn Hữu H khởi kiện xin ly hôn bà Đỗ Thị M và giải quyết các vấn đề về con chung. Bà M hiện đang cư trú ở khu phố Phú Hiệp 3, phường Hoà Hiệp Trung, thị xã Đông Hoà. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa.

[1.2] Bị đơn bà M đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Hữu H và bà Đỗ Thị M tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn xã Hoà Hiệp Trung, huyện Tuy Hoà (nay là phường Hoà Hiệp Trung, thị xã Đông Hoà) theo giấy chứng nhận kết hôn số 12, cấp ngày 21/03/2000, là hôn nhân hợp pháp. Hôn nhân giữa ông H và bà M đã rạn nứt trầm trọng, ông H xin ly hôn nhưng bà M vẫn bỏ mặc không quan tâm, không níu kéo để được hàn gắn; bà M và ông H đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, hai bên tự sống xa nhau. Điều này phù hợp theo Biên bản xác minh ngày 18/7/2022 do Ủy ban nhân dân phường Hoà Hiệp Trung xác nhận "... quá trình sống chung, bà M và ông H hay thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, hiện không còn sống chung với nhau. Bà M đã bỏ về nhà mẹ bà M sống ở khu phố Phú Hiệp 3, phường Hoà Hiệp Trung...". Như vậy, đủ cơ sở xác định cuộc sống vợ chồng giữa ông H và bà M không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng giữa ông H và bà M không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và cả hai đã sống ly thân một thời gian dài không ai quan tâm đến ai đúng như lời trình bày của ông H nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Nguyễn Hữu H được ly hôn bà Đỗ Thị M để đảm bảo cho các bên có cuộc sống riêng ổn định.

[2.2] Về con chung: ông H bà M có 03 con chung tên Nguyễn Thị Thanh H2 (sinh ngày 11/4/2000); Nguyễn Hữu S (sinh ngày 04/6/2002) và cháu Nguyễn Thị Diệu M2 (sinh ngày 10/10/2010). Xét thấy, tại phiên toà ông H khẳng định Nguyễn Thị Thanh H2 đã lập gia đình riêng, Nguyễn Hữu S đã trưởng thành và có khả năng lao động, hiện nay cả hai vẫn đang ở chung với ông H nên ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết về nghĩa vụ của cha mẹ sau ly hôn đối với Nguyễn Thị Thanh H2, Nguyễn Hữu S là có căn cứ. Ông H có đủ sức khỏe, đang là người trực tiếp nuôi cháu M2, có thu nhập ổn định và có khả năng lo cho con; cháu M2 có nguyện vọng ở với ông H. Bà M vắng mặt trong quá trình giải quyết, không tranh chấp và không có ý kiến gì về quyền nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông H, tiếp tục giao cháu M2 cho ông H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục để đảm bảo cho sự phát triển ổn định về tâm sinh lý, cũng như thể chất cho cháu M2.

[2.3] Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con; bà M vắng mặt trong quá trình giải quyết; nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Bà M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.5] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu toà giải quyết, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Về nợ chung: ông H cho rằng không có, không yêu cầu toà giải quyết; bị đơn bà M đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: ông H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu H.

1. Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Hữu H được ly hôn bà Đỗ Thị M.

2. Về con chung: giao con chung tên Nguyễn Thị Diệu M2 (sinh ngày 10/10/2010) cho ông Nguyễn Hữu H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.1. Bà Đỗ Thị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Ông Nguyễn Hữu H và bà Đỗ Thị M có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: ông Nguyễn Hữu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng theo Biên lai tạm ứng án phí số 0006261 ngày 01/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa, đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Đông Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Đông Hòa;
- Các đương sự;
- UBND phường HHT;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Duyên